

QUY CHẾ

Phối hợp trong công tác theo dõi tình hình thi hành pháp luật trên địa bàn tỉnh Bình Định

(Kèm theo Quyết định số /2022/QĐ-UBND ngày tháng năm 2022
của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Định)

Chương I QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Quy chế này quy định về nguyên tắc, nội dung và hoạt động phối hợp; trách nhiệm phối hợp của các cơ quan, tổ chức, cá nhân trong công tác theo dõi tình hình thi hành pháp luật trên địa bàn tỉnh Bình Định.

2. Những nội dung có liên quan đến công tác theo dõi tình hình thi hành pháp luật không quy định tại Quy chế này được thực hiện theo các văn bản quy phạm pháp luật hiện hành có liên quan.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh (sau đây gọi là các sở, ban, ngành).

2. Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố (sau đây gọi là Ủy ban nhân dân cấp huyện).

3. Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn (sau đây gọi là Ủy ban nhân dân cấp xã).

4. Tổ chức, cá nhân có liên quan trong công tác theo dõi tình hình thi hành pháp luật trên địa bàn tỉnh.

Điều 3. Nguyên tắc phối hợp

1. Tuân thủ các quy định của pháp luật về theo dõi tình hình thi hành pháp luật; đảm bảo tính khách quan, công khai, minh bạch.

2. Hoạt động phối hợp được thực hiện trên cơ sở chức năng, nhiệm vụ, phù hợp với phạm vi, lĩnh vực quản lý của cơ quan, đơn vị.

3. Công tác theo dõi tình hình thi hành pháp luật phải được thực hiện thường xuyên, toàn diện, có trọng tâm, trọng điểm.

4. Đảm bảo trách nhiệm phối hợp của các cơ quan, đơn vị trong thực hiện công tác theo dõi tình hình thi hành pháp luật.

Điều 4. Nội dung phối hợp

Các sở, ban, ngành; Ủy ban nhân dân cấp huyện, Ủy ban nhân dân cấp xã phối hợp theo dõi tình hình thi hành pháp luật trên cơ sở xem xét, đánh giá các nội dung sau:

1. Tình hình ban hành văn bản quy định chi tiết thi hành văn bản quy phạm pháp luật.
2. Tình hình bảo đảm các điều kiện cho thi hành pháp luật.
3. Tình hình tuân thủ pháp luật.

Điều 5. Hoạt động phối hợp

1. Xây dựng, ban hành kế hoạch theo dõi tình hình thi hành pháp luật.
2. Kiểm tra tình hình thi hành pháp luật.
3. Điều tra, khảo sát tình hình thi hành pháp luật.
4. Thu thập, tiếp nhận, xử lý thông tin về tình hình thi hành pháp luật.
5. Xem xét, đánh giá và xử lý kết quả theo dõi tình hình thi hành pháp luật.
6. Báo cáo kết quả công tác theo dõi tình hình thi hành pháp luật.
7. Các hoạt động phối hợp khác phù hợp với quy định của pháp luật.

Chương II

TRÁCH NHIỆM PHỐI HỢP CỦA CÁC CƠ QUAN TRONG CÔNG TÁC THEO DÕI TÌNH HÌNH THI HÀNH PHÁP LUẬT

Điều 6. Trách nhiệm của Sở Tư pháp

1. Tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện chức năng quản lý nhà nước về công tác theo dõi tình hình thi hành pháp luật; hướng dẫn, đôn đốc, kiểm tra các sở, ban, ngành và Ủy ban nhân dân cấp huyện trong việc thực hiện công tác theo dõi tình hình thi hành pháp luật tại địa phương.

2. Chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan xây dựng, trình Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Kế hoạch theo dõi tình hình thi hành pháp luật trên địa bàn tỉnh trước ngày 30 tháng 01 hằng năm, trong đó xác định lĩnh vực trọng tâm, liên ngành theo dõi tình hình thi hành pháp luật.

3. Chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân cấp huyện, Ủy ban nhân dân cấp xã tổ chức kiểm tra, điều tra, khảo sát tình hình thi hành pháp luật.

4. Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan tiếp nhận, tổng hợp, đánh giá và tham mưu, đề xuất Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, xử lý thông tin về tình hình thi hành pháp luật theo thẩm quyền hoặc kiến nghị cơ quan, người có thẩm quyền xử lý kết quả theo dõi tình hình thi hành pháp luật theo các nội dung quy định tại khoản 1 Điều 14 Nghị định số 59/2012/NĐ-CP ngày 23

tháng 7 năm 2012 của Chính phủ về theo dõi tình hình thi hành pháp luật, khoản 5 Điều 1 Nghị định số 32/2020/NĐ-CP ngày 05 tháng 3 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 59/2012/NĐ-CP ngày 23 tháng 7 năm 2012 của Chính phủ về theo dõi tình hình thi hành pháp luật.

5. Phối hợp với các cơ quan có liên quan tổng hợp, phân tích các kiến nghị về đảm bảo các điều kiện cho thi hành pháp luật, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định.

6. Căn cứ điều kiện cụ thể và yêu cầu của công tác theo dõi tình hình thi hành pháp luật, tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh huy động sự tham gia của tổ chức, chuyên gia, cá nhân am hiểu chuyên môn về ngành, lĩnh vực cần theo dõi tình hình thi hành pháp luật.

7. Tổng hợp, báo cáo công tác theo dõi tình hình thi hành pháp luật trên địa bàn tỉnh trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định và báo cáo Bộ Tư pháp theo quy định.

8. Thực hiện theo dõi tình hình thi hành pháp luật và xác định lĩnh vực trọng tâm thuộc phạm vi của Ngành Tư pháp.

Điều 7. Trách nhiệm của các sở, ban, ngành

1. Hằng năm, căn cứ Kế hoạch theo dõi tình hình thi hành pháp luật của Ủy ban nhân dân tỉnh, Kế hoạch theo dõi tình hình thi hành pháp luật của bộ, ngành trực tiếp quản lý và thực tiễn thi hành pháp luật, xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch theo dõi tình hình thi hành pháp luật của cơ quan theo thời hạn quy định tại Kế hoạch theo dõi tình hình thi hành pháp luật của Ủy ban nhân dân tỉnh, trong đó phải xác định lĩnh vực trọng tâm, gửi Sở Tư pháp để theo dõi, tổng hợp.

Nội dung Kế hoạch theo dõi tình hình thi hành pháp luật thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 3 Thông tư số 04/2021/TT-BTP ngày 21 tháng 6 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp hướng dẫn thi hành Nghị định số 59/2012/NĐ-CP ngày 23 tháng 7 năm 2012 của Chính phủ về theo dõi tình hình thi hành pháp luật và Nghị định số 32/2020/NĐ-CP ngày 05 tháng 3 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 59/2012/NĐ-CP.

2. Chỉ đạo, đôn đốc việc thực hiện theo dõi tình hình thi hành pháp luật trong phạm vi ngành, lĩnh vực quản lý theo các nội dung quy định tại Chương II Nghị định số 59/2012/NĐ-CP, Chương I Thông tư số 14/2014/TT-BTP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định chi tiết thi hành Nghị định số 59/2012/NĐ-CP ngày 23 tháng 7 năm 2012 của Chính phủ về theo dõi tình hình thi hành pháp luật và Chương II Thông tư số 04/2021/TT-BTP.

3. Cử đại diện tham gia các hoạt động theo dõi tình hình thi hành pháp luật theo đề nghị của Sở Tư pháp.

4. Phối hợp với Sở Tư pháp thực hiện các nội dung quy định tại Điều 6 Quy chế này trong phạm vi lĩnh vực, ngành quản lý.

5. Báo cáo công tác theo dõi tình hình thi hành pháp luật gửi Sở Tư pháp đúng thời gian quy định.

Điều 8. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp huyện

1. Hằng năm, căn cứ Kế hoạch theo dõi tình hình thi hành pháp luật của Ủy ban nhân dân tỉnh và thực tiễn tại địa phương, xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch theo dõi tình hình thi hành pháp luật theo thời hạn quy định tại Kế hoạch theo dõi tình hình thi hành pháp luật của Ủy ban nhân dân tỉnh, trong đó xác định lĩnh vực trọng tâm, gửi về Sở Tư pháp để theo dõi, tổng hợp.

Nội dung Kế hoạch theo dõi tình hình thi hành pháp luật thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 3 Thông tư số 04/2021/TT-BTP.

2. Chỉ đạo, hướng dẫn, đôn đốc, kiểm tra các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện và Ủy ban nhân dân cấp xã trong việc thực hiện công tác theo dõi tình hình thi hành pháp luật trên địa bàn quản lý.

3. Phối hợp với Sở Tư pháp thực hiện các nội dung quy định tại Điều 6 Quy chế này.

4. Xử lý kết quả theo dõi tình hình thi hành pháp luật theo quy định tại khoản 1 Điều 14 Nghị định số 59/2012/NĐ-CP, khoản 5 Điều 1 Nghị định số 32/2020/NĐ-CP.

5. Bảo đảm các điều kiện cho việc thực hiện công tác theo dõi tình hình thi hành pháp luật.

6. Báo cáo công tác theo dõi tình hình thi hành pháp luật trên địa bàn quản lý gửi Sở Tư pháp đúng thời gian quy định.

Điều 9. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp xã

1. Hằng năm, căn cứ Kế hoạch theo dõi tình hình thi hành pháp luật của Ủy ban nhân dân cấp huyện và thực tiễn tại địa phương, xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch theo dõi tình hình thi hành pháp luật, trong đó xác định lĩnh vực trọng tâm, gửi về Phòng Tư pháp để theo dõi, tổng hợp.

Nội dung Kế hoạch theo dõi tình hình thi hành pháp luật thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 3 Thông tư số 04/2021/TT-BTP.

2. Chỉ đạo, đôn đốc, tự kiểm tra các công chức thuộc Ủy ban nhân dân cấp xã trong việc thực hiện công tác theo dõi tình hình thi hành pháp luật.

3. Phối hợp với Phòng Tư pháp thực hiện theo dõi tình hình thi hành pháp luật trên địa bàn quản lý.

4. Xử lý kết quả theo dõi tình hình thi hành pháp luật theo quy định tại khoản 1 Điều 14 Nghị định số 59/2012/NĐ-CP, khoản 5 Điều 1 Nghị định số 32/2020/NĐ-CP.

5. Bảo đảm các điều kiện cho việc thực hiện công tác theo dõi tình hình thi hành pháp luật.

6. Báo cáo công tác theo dõi tình hình thi hành pháp luật theo quy định.

Chương III

HUY ĐỘNG SỰ THAM GIA, PHỐI HỢP CỦA CÁC TỔ CHỨC, CÁ NHÂN TRONG HOẠT ĐỘNG THEO DÕI TÌNH HÌNH THI HÀNH PHÁP LUẬT

Điều 10. Phối hợp theo dõi tình hình thi hành pháp luật

1. Đề nghị Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh và Tòa án nhân dân tỉnh:

a) Thông qua hoạt động công tố, kiểm sát hoạt động tư pháp; hoạt động xét xử, kịp thời cung cấp thông tin về tình hình thi hành pháp luật của cơ quan, tổ chức, cá nhân gửi Sở Tư pháp để tổng hợp, tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, xử lý theo quy định.

b) Cử đại diện tham gia các hoạt động theo dõi tình hình thi hành pháp luật theo đề nghị của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

2. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh và các tổ chức thành viên:

a) Tổng hợp, cung cấp thông tin, kiến nghị của Nhân dân thông qua hoạt động giám sát thi hành pháp luật, phản biện xã hội gửi Sở Tư pháp để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, xử lý theo quy định.

b) Cử đại diện tham gia các hoạt động theo dõi tình hình thi hành pháp luật theo đề nghị của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

3. Đề nghị Hội Luật gia tỉnh, Đoàn Luật sư tỉnh:

a) Cung cấp ý kiến, kiến nghị của các luật gia, luật sư về các vấn đề pháp lý liên quan đến tình hình thi hành pháp luật gửi Sở Tư pháp tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, xử lý theo quy định.

b) Cử đại diện tham gia các hoạt động theo dõi tình hình thi hành pháp luật theo đề nghị của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

c) Tham gia cộng tác viên theo dõi tình hình thi hành pháp luật khi được cơ quan, người có thẩm quyền huy động theo quy định tại khoản 1 Điều 1 Nghị định số 32/2020/NĐ-CP.

4. Đề nghị các hội, đoàn thể:

a) Cung cấp ý kiến, kiến nghị của các doanh nghiệp, các hội viên về tính kịp thời, đầy đủ trong thi hành pháp luật của cơ quan nhà nước có thẩm quyền; tính chính xác, thống nhất trong hướng dẫn, áp dụng pháp luật của cơ quan nhà nước có thẩm quyền; tính thống nhất, đồng bộ, khả thi của văn bản pháp luật và

các vấn đề có liên quan khác gửi Sở Tư pháp tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, xử lý theo quy định.

b) Tham gia cộng tác viên theo dõi tình hình thi hành pháp luật khi được cơ quan, người có thẩm quyền huy động theo quy định tại khoản 1 Điều 1 Nghị định số 32/2020/NĐ-CP.

5. Báo Bình Định, Đài Phát thanh và Truyền hình Bình Định: Cung cấp ý kiến, phản ánh của dư luận xã hội về tình hình thi hành pháp luật gửi Sở Tư pháp tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, xử lý theo quy định.

Điều 11. Cộng tác viên theo dõi tình hình thi hành pháp luật

1. Cơ quan nhà nước thực hiện theo dõi tình hình thi hành pháp luật có thể huy động sự tham gia của cộng tác viên theo quy định tại khoản 2 Điều 10 Thông tư số 04/2021/TT-BTP và ký hợp đồng với cộng tác viên theo quy định tại khoản 3 Điều 10 Thông tư số 04/2021/TT-BTP.

2. Các tổ chức quy định tại khoản 3 Điều 6 Nghị định số 59/2012/NĐ-CP được huy động tham gia làm cộng tác viên phải có lĩnh vực hoạt động phù hợp với lĩnh vực cần theo dõi tình hình thi hành pháp luật.

3. Cá nhân là chuyên gia, nhà khoa học được huy động tham gia hoạt động theo dõi tình hình thi hành pháp luật theo cơ chế cộng tác viên quy định tại khoản 3 Điều 6 Nghị định số 59/2012/NĐ-CP phải đáp ứng các tiêu chuẩn theo quy định tại khoản 1 Điều 10 Thông tư số 04/2021/TT-BTP.

Chương IV ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 12. Chế độ thông tin, báo cáo

Các sở, ban, ngành; Ủy ban nhân dân cấp huyện và Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện chế độ thông tin bằng các hình thức phù hợp với điều kiện, hoàn cảnh và tính chất bảo mật; xây dựng báo cáo theo dõi tình hình thi hành pháp luật trong các trường hợp sau:

1. Báo cáo công tác theo dõi tình hình thi hành pháp luật định kỳ hằng năm

a) Ủy ban nhân dân cấp xã báo cáo kết quả công tác theo dõi tình hình thi hành pháp luật trên địa bàn quản lý theo yêu cầu của Ủy ban nhân dân cấp huyện và theo yêu cầu của cơ quan nhà nước, người có thẩm quyền.

b) Các sở, ban, ngành; Ủy ban nhân dân cấp huyện báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh (qua Sở Tư pháp) kết quả công tác theo dõi tình hình thi hành pháp luật thuộc phạm vi ngành, lĩnh vực địa phương quản lý trước ngày 04 tháng 12 của kỳ báo cáo.

c) Sở Tư pháp tổng hợp kết quả theo dõi tình hình thi hành pháp luật trên địa bàn tỉnh trình Ủy ban nhân dân tỉnh báo cáo Bộ Tư pháp trước ngày 10 tháng 12 của kỳ báo cáo.

d) Thời gian chốt số liệu báo cáo tính từ ngày 01 tháng 12 của năm trước kỳ báo cáo đến ngày 30 tháng 11 của kỳ báo cáo. Nội dung báo cáo theo mẫu quy định tại Phụ lục I kèm theo Thông tư số 04/2021/TT-BTP.

2. Báo cáo tình hình xử lý kiến nghị sửa đổi, bổ sung, ban hành mới văn bản quy phạm pháp luật

Nội dung báo cáo theo mẫu quy định tại Phụ lục II kèm theo Thông tư số 04/2021/TT-BTP.

3. Báo cáo đột xuất, báo cáo theo chuyên đề về tình hình thi hành pháp luật

Nội dung báo cáo theo yêu cầu của cơ quan nhà nước, người có thẩm quyền.

Điều 13. Kinh phí thực hiện

1. Kinh phí cho công tác theo dõi tình hình thi hành pháp luật của cơ quan, đơn vị, địa phương thuộc cấp nào do ngân sách nhà nước cấp đó bảo đảm và sử dụng trong dự toán ngân sách nhà nước được giao hằng năm của đơn vị.

2. Việc thanh, quyết toán kinh phí công tác theo dõi tình hình thi hành pháp luật thực hiện theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước và các văn bản hướng dẫn hiện hành.

Điều 14. Tổ chức thực hiện

1. Sở Tư pháp có trách nhiệm hướng dẫn, đôn đốc, kiểm tra và báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh việc tổ chức thực hiện Quy chế này.

2. Thủ trưởng các sở, ban, ngành; Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện chịu trách nhiệm trước Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh trong việc thực hiện công tác theo dõi tình hình thi hành pháp luật tại cơ quan, đơn vị, địa phương.

3. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã chịu trách nhiệm trước Ủy ban nhân dân cấp huyện, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện trong việc thực hiện công tác theo dõi tình hình thi hành pháp luật đối với địa bàn quản lý.

4. Trong quá trình triển khai thực hiện Quy chế này, nếu có vướng mắc các cơ quan, tổ chức, cá nhân phản ánh về Sở Tư pháp để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, giải quyết./.